

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG VINH PHÚC HIỆN NAY

PHẠM THỊ DUYÊN*

Ngày nhận bài: 15/06/2016; ngày sửa chữa: 20/06/2016; ngày duyệt đăng: 21/06/2016.

Abstract: Political theory is an abstract and theoretical subject for students, therefore sometimes students are discouraged in learning with a huge theoretical knowledge. The article presents situation of learning Political theory of students at Vinh Phuc college and points out causes affecting quality of learning this module. Thereby, article proposes recommendations to improve quality of learning Political theory for students at Vinh Phuc college.

Keywords: Political theory, the quality of teaching, Vinh Phuc college.

1. Các yếu tố khách quan

1.1. Tác động của tình hình kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội đến việc dạy học các môn Lý luận chính trị (LLCT)

1.1.1. *Tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại.* Trước sự phát triển mạnh mẽ của tri thức khoa học do cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại đem lại đã tạo ra những thay đổi to lớn trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tạo ra những thách thức không nhỏ đối với sự nhận thức của con người; tác động đến "sức sống" và sự hấp dẫn của các môn học, đặc biệt là các môn LLCT. Ph. Ăngghen đã khẳng định: "Mỗi lần có một phát minh mang ý nghĩa thời đại ngay cả trong lĩnh vực khoa học lịch sử - tự nhiên thì chủ nghĩa duy vật không tránh khỏi thay đổi hình thức của nó" [1; tr 409]. Và thực tế, triết học duy vật biện chứng ngay từ đầu đã không tách rời những tri thức của khoa học tự nhiên. V.I.Lênin đã chỉ rõ: cần "theo dõi những vấn đề do cuộc cách mạng mới đẩy về mặt khoa học tự nhiên đặt ra, và lôi kéo các nhà khoa học tự nhiên tham gia một tạp chí triết học, là một nhiệm vụ mà nếu không giải quyết được thì dù như thế nào, chủ nghĩa duy vật chiến đấu cũng sẽ không thể có tính chất chiến đấu và duy vật được" [2; tr 35]. Trong khi đó, tri thức của các môn LLCT, nhất là môn *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* gần như đã không có nhiều sự tổng kết và cập nhật những tri thức mới; do đó, có một số nội dung đã lạc hậu và bị thời đại vượt qua. Điều này ảnh hưởng đến sức hút của môn học và thái độ học tập của sinh viên (SV).

1.1.2. *Sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.* Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, hệ thống tư bản chủ nghĩa đã bị "phá vỡ một mảng lớn", cục diện trên bản đồ chính trị thế giới đã có sự thay đổi căn bản. Nhiều

quốc gia dân tộc, đặc biệt là những quốc gia dân tộc thuộc "thế giới thứ ba", đã đi theo "ánh sáng" của cách mạng tháng Mười Nga, ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, dẫn đến sự ra đời hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa vào những năm 60 của thế kỉ XX và nó cũng minh chứng cho tính khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái KT-XH, học thuyết về chủ nghĩa xã hội của Mác.

Ngày nay là thời đại của những biến động dữ dội, mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực của cuộc sống. Đó là những thành tựu to lớn của khoa học - công nghệ; biến đổi bộ mặt thế giới về kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa; sự phát triển kinh tế hàng hóa và suy thoái đạo đức... Bởi vậy, giảng viên (GV) đôi khi lúng túng trước những mâu thuẫn giữa lý luận và thực tiễn, giải thích giáo điều, máy móc, đơn giản hóa vấn đề hoặc lảng tránh những vấn đề hóc búa. Điều này làm giảm đi sức thuyết phục, sự hấp dẫn của môn học.

1.1.3. *Những tác động của đời sống văn hóa, xã hội.* Những thay đổi thuộc về đời sống văn hóa - xã hội cũng tác động không nhỏ đến việc học tập nghiên cứu giảng dạy các bộ môn LLCT. Ở Việt Nam trong những năm vừa qua, đặc biệt kể từ sau khi thực hiện Nghị quyết Trung ương VIII (7/1998) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam *Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* cho đến nay. Bên cạnh những thành công to lớn và cơ bản thì những hạn chế, tiêu cực mới xuất hiện cũng không nhỏ; thậm chí có những yếu kém kéo dài chưa được khắc phục, làm giảm lòng tin của một bộ phận nhân dân đối với Đảng. Nghị quyết Trung ương IV khóa XI của Đảng đã tự đánh giá: "Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên trong đó có những

* Trường Cao đẳng Vinh Phúc

đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lí tưởng, sa đà vào chủ nghĩa cá nhân ích kỉ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa đại vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...” [3; tr 18]. Đánh giá này của Đảng phản ánh đúng sự thực khách quan, sự thực này tác động đến đông đảo bộ phận nhân dân mà thế hệ trẻ là bộ phận chịu tác động nhiều nhất. Bộ môn LLCT ngoài việc cung cấp tri thức khoa học cho người học, còn phải trực tiếp tham gia vào việc giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống... mà tư tưởng đạo đức, lối sống thì không phải chỉ có tuyên truyền về mặt lí thuyết... Vì vậy, việc giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ, nhất là SV hiện nay gặp không ít khó khăn.

1.2. Nội dung chương trình các môn LLCT. Chương trình môn *Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, xét về nội dung chi tiết còn có những hạn chế nhất định như: Nội dung chương trình không cho người học biết được lịch sử của vấn đề, thậm chí quan điểm của chính C.Mác có lúc đã bị cắt xén. Với nội dung chương trình đó, người học cũng không tự rút ra được những cái vĩ đại, cái có tính cách mạng do C.Mác đã thực hiện. Theo tinh thần mới thì chủ nghĩa Mác-Lênin được giảng dạy như một trào lưu tư tưởng trong lịch sử. Đổi mới như vậy sẽ làm cho giáo dục đại học ở nước ta “tương thích” với hệ thống giáo dục của các nước khác trên thế giới, nhất là những nước có nền giáo dục tiên tiến hiện nay. Tuy nhiên, theo tác giả, chủ nghĩa Mác-Lênin không chỉ là một trào lưu tư tưởng mà còn là học thuyết có sự thống nhất giữa tính khoa học và cách mạng. Ngoài ra, chương trình các môn LLCT được giảng cho tất cả SV tại các trường cao đẳng, đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân không chuyên ngành chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là một trong những lí do vì sao cùng một chương trình nhưng phải có những giáo trình viết riêng cho các khối ngành khác nhau.

2. Các nhân tố chủ quan

2.1. Về phía SV:

2.1.1. Thái độ và tinh thần học tập các môn LLCT của SV. Đối với bất cứ môn học nào, yêu cầu về thái độ, tinh thần của người học là một trong những mục đích, yêu cầu cơ bản. Thái độ và tinh thần học tập tích cực thì chất lượng học tập sẽ cao và ngược lại, thái độ tinh thần học tập thiếu tích cực thì dù cơ sở vật chất tốt, tài liệu phương tiện học tập đầy đủ, hiện đại, đội ngũ GV có

chuyên môn nghiệp vụ và lòng nhiệt tình cao... thì chất lượng học tập của người học vẫn không thể thu được kết quả tích cực. Với các môn LLCT mục tiêu học tập đã được xác định rõ ràng ở cấp vĩ mô là đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, đó là thực hiện nền giáo dục xã hội chủ nghĩa dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống giáo dục tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa giáo dục thế giới. Ở cấp độ hẹp hơn, các môn LLCT trang bị cho SV những kiến thức khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối phát triển đất nước của Đảng và Nhà nước ta; đồng thời, giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho mỗi chủ thể học tập. Vì vậy, việc xác định đúng mục tiêu học tập các môn học này để có thái độ tinh thần học tập tích cực nhất là rất quan trọng và cần thiết.

Chúng tôi cũng đã phát phiếu điều tra cho toàn bộ SV năm thứ nhất Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc (năm học 2014-2015), với câu hỏi: *Mục đích học tập, nghiên cứu các môn LLCT của các anh (chị) chủ yếu là gì?* Câu trả lời cụ thể là: 89,8% số SV được hỏi trả lời do bắt buộc của chương trình đào tạo, 10% trả lời là vì giá trị và ý nghĩa của môn học, 0,2% vì sự yêu thích cá nhân. Do SV xác định mục tiêu và ý nghĩa của môn học không phải là xuất phát từ nhu cầu tự thân nên thường dẫn đến thái độ, tinh thần thiếu tích cực và học chủ yếu mang tính đối phó. Với số SV này, khi được hỏi: *Khi học tập, nghiên cứu các môn LLCT tinh thần học tập, nghiên cứu của các anh (chị) là tích cực sẵn sàng chủ động hay không hoặc có nhưng không thường xuyên, không bền vững?* Kết quả: có 30% số SV trả lời là tích cực sẵn sàng chủ động; 0,2% là không chủ động, còn 69,8% là chủ động nhưng không thường xuyên. Kết quả này cho thấy, tinh thần, thái độ học tập các môn LLCT của SV phần đông vẫn là học do yêu cầu bắt buộc của chương trình.

2.1.2. SV thiếu kiến thức nền tảng. Với sự bao trùm tri thức nhiều lĩnh vực của các môn LLCT, đặc biệt là phần *Triết học* thuộc môn học *Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* chứa đựng sự tổng hợp tri thức. Muốn hiểu được triết học nói chung, hiểu được chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh hay Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng thì SV phải nắm vững các tri thức của các bộ môn khoa học khác ở mức độ nhất định. Tuy nhiên, không có mấy SV đáp ứng được điều này, nó ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng khái quát hoá, hệ thống hóa các tri thức lí luận của SV.

2.1.3. SV còn hạn chế về năng lực nghiên cứu khoa học. SV còn yếu về kĩ năng tư duy sáng tạo, khái quát

hoá vấn đề để tìm ra bản chất. Điều này xuất phát từ nhiều yếu tố: SV mới bước vào môi trường cao đẳng, phương pháp học tập khác với cách thức tiếp cận tri thức khoa học ở bậc trung học phổ thông; các môn *LLCT* đòi hỏi SV phải có tư duy trừu tượng, khái quát hoá cao, có kinh nghiệm sống nhất định. Trong phiếu lấy ý kiến SV, với câu hỏi: *Khi học tập, nghiên cứu các môn LLCT, anh (chị) thường sử dụng những phương pháp nào?* Kết quả thu được là: có 83,7% số SV được hỏi trả lời là học thuộc lòng nội dung bài học; 2,9% là chăm chỉ đến lớp nghiên cứu tài liệu và có kế hoạch học tập rõ ràng; 13,4% số SV biết lập đề cương hoặc xây dựng chuyên đề để học tập, nghiên cứu thường xuyên kết hợp với việc hướng dẫn của GV bộ môn. Như vậy, tỉ lệ SV học thuộc lòng nội dung bài học vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất, số SV chủ động học tập theo đặc thù bộ môn (lập đề cương, xây dựng chuyên đề học tập, nghiên cứu thường xuyên, liên hệ thường xuyên với GV) vẫn chiếm tỉ lệ thấp.

Vì vậy, cần tiếp tục có sự điều chỉnh, thay đổi nhất định về chương trình, nội dung, thời lượng học tập, giáo trình, cũng như phải đẩy mạnh đào tạo bồi dưỡng đội ngũ GV bộ môn cho thích hợp...; từ đó, tiếp tục tìm kiếm những phương pháp dạy học thích hợp với sự thay đổi theo hướng tích cực đó.

2.1.4. SV còn yếu về kĩ năng thảo luận nhóm. Tính chất thụ động, bị động của SV còn thể hiện ở chỗ thường ít tham gia phát biểu ý kiến trong giờ. Nhiều khi họ biết nhưng lại không chủ động nói, không tạo cho mình thói quen trình bày vấn đề trước người khác, nhất là trước tập thể đồng người. Đây là hạn chế của SV, chưa biết cách triển khai vấn đề học tập, nghiên cứu một cách khoa học. Ngoài ra, công tác kiểm tra, đánh giá và các hình thức khen thưởng, xử phạt cũng có ý nghĩa lớn trong việc thúc đẩy SV cố gắng vươn lên.

2.2. Về phía GV:

2.2.1. Chú trọng xây dựng đội ngũ GV nói chung và GV các môn LLCT nói riêng, đồng thời, do ý thức tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nên chất lượng của đội ngũ GV không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên, sự lớn mạnh của đội ngũ GV vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng kịp so với yêu cầu phát triển GD-ĐT đa ngành và đa lĩnh vực của nhà trường. Hơn nữa, với sự thay đổi về kết cấu chương trình các môn *LLCT* như hiện nay, GV gặp rất nhiều khó khăn trong giảng dạy, họ không chỉ dạy chuyên sâu một phần kiến thức nào đó mà phải dạy nhiều phần kiến thức khác nhau.

2.2.2. Gắn giảng dạy các môn LLCT với chuyên ngành đào tạo còn có nhiều hạn chế. Trong giảng dạy

đòi hỏi phải gắn *LLCT* với các chuyên ngành khác; cần có sự kết hợp giữa giảng dạy các môn *LLCT* với giảng dạy các môn chuyên ngành. Tuy nhiên, sự thiếu gắn bó giữa giảng dạy các môn *LLCT* với các môn khoa học chuyên ngành đang là một thực tế. Các môn chuyên ngành được dạy như những môn khoa học độc lập, không chú trọng việc vận dụng các tri thức lí luận để phân tích, luận giải nội dung môn học, không gắn với việc bồi dưỡng thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận. Với lập luận trên có thể thấy, kết quả còn nhiều hạn chế của SV trong việc học tập các môn *LLCT* còn có trách nhiệm của GV giảng dạy các môn khoa học chuyên ngành khác. Ở khía cạnh này, khi chúng tôi lấy ý kiến từ phía người học với câu hỏi: *GV các bộ môn khoa học khác có giúp các anh (chị) liên hệ được kiến thức và ý nghĩa các môn LLCT với môn học đó không?* Kết quả là: 8,2% GV có liên hệ; 1,4% không liên hệ; 8,8% liên hệ nhưng không rõ ràng; 81,6% là có liên hệ nhưng còn ít. Điều này đã làm cho giá trị và ý nghĩa của môn học này đối với những bộ môn khoa học khác bị hạn chế và ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục nói chung.

2.2.3. Phương pháp giảng dạy của GV phụ trách bộ môn. Cũng như nhiều môn khoa học xã hội khác, việc giảng dạy các môn *LLCT* chủ yếu áp dụng cách dạy truyền thống (thuyết trình, diễn giảng, SV nghe và ghi chép...). Điều đó dẫn đến hạn chế khả năng chủ động, sáng tạo của SV. Phương pháp này đã làm hao phí nhiều thời gian và sức lực của GV; gây mệt mỏi, chán chường cho người học; làm không khí giờ học trở nên nặng nề, hiệu quả cần đạt được chưa thật cao.

Hứng thú trong học tập các môn *LLCT* phụ thuộc nhiều vào phương pháp của GV. Phương pháp thuyết trình là phương pháp cơ bản, có hiệu quả và phù hợp với đặc thù môn học, nhưng cũng không nên xem đây là phương pháp độc tôn, duy nhất và cần có sự phối kết hợp một cách hài hòa, sinh động và có hiệu quả với những phương pháp khác; đặc biệt là phương pháp dạy học mới, mang tính tích cực nhằm phát huy tối đa tính năng động, sáng tạo của người học. Từ đó, đưa SV vào tâm thế chủ động tiếp thu kiến thức, tăng cường tính hấp dẫn của bài giảng và độ say mê của người học. Vì vậy, cần phải tăng cường cải tiến phương pháp dạy học; dạy học các môn *LLCT* cũng giống như dạy học nói chung, cần có một lí luận về phương pháp dạy học khoa học soi sáng.

2.2.4. Nội dung thi và kiểm tra đối với các môn LLCT. Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc đã thực hiện đúng quy

(Xem tiếp trang 241)

hình thành ở SV kinh nghiệm sáng tạo, nắm được các yếu tố tìm tòi nghiên cứu.

Ví dụ: Bài **Lí luận nhận thức duy vật biện chứng**, trong mục II “Thực tiễn là cơ sở và động lực của nhận thức” có hai phần: *Phần 1: Khái niệm về thực tiễn; Phần 2: Thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức*:

Trong mục II, nên tập trung sử dụng kiểu DH nêu vấn đề một phần vào phần 2. Bởi vì, sau khi người học nắm được khái niệm về thực tiễn, hiểu được các dạng hoạt động cơ bản của thực tiễn và khẳng định trong các dạng hoạt động cơ bản đó thì hoạt động sản xuất vật chất giữ vai trò quyết định. Người học có thể tự lực giải quyết được vấn đề thông qua các câu hỏi của GV: Tại sao nói thực tiễn là cơ sở và là động lực của nhận thức?... Từ những kiến thức khám phá được, người học có thể rút ra kết luận vấn đề mà mình cần tìm hiểu.

Như vậy, khi sử dụng kiểu DH nêu vấn đề một phần thì GV trình bày bài giảng theo kiểu nêu vấn đề nhưng chỉ GVĐ đến một chừng mực nào đó; phần còn lại tiếp tục tổ chức cho người học tự lực giải quyết.

- *Nêu vấn đề toàn phần*. Nêu vấn đề toàn phần là điển hình nhất của DH GVĐ, về thực chất là GV tổ chức cho học viên nghiên cứu bài giảng một cách sáng tạo. GV nêu ra vấn đề cùng hệ thống câu hỏi chính, câu hỏi phụ, câu hỏi gợi mở... để dẫn dắt SV độc lập giải quyết nhiệm vụ của vấn đề học tập và đi đến kết luận.

Ví dụ: Khi dạy bài **Hình thái kinh tế xã hội**, GV có thể nêu vấn đề toàn phần bao quát toàn bộ chủ đề, đặt ra các tình huống có vấn đề mang tính khái quát. Tại sao nói sự phát triển của các hình thái KT-XH như một tiến trình lịch sử tự nhiên? GVĐ: + Định nghĩa: Hình thái KT-XH; + Kết cấu của hình thái KT-XH như thế nào? + Tính khách quan của sự vận động đó sẽ dẫn tới xã hội thay đổi như thế nào? + Dùng thực tiễn để chứng minh? + Sự vận dụng của Đảng ta hiện nay như thế nào?

Như vậy, nếu GV thực hiện tốt sẽ giúp SV phát huy cao nhất việc phát triển khả năng tư duy, kĩ năng, kĩ xảo, hình thành tư duy khoa học, làm quen với phương pháp nghiên cứu tạo ra sự say mê và hứng thú trong học tập.

Mỗi môn học đều có thể vận dụng các phương pháp DH đặc thù riêng để đạt được mục tiêu DH. Môn học *Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (phần *Triết học*) mang tính trừu tượng và khái quát cao do đó vận dụng DH GVĐ được coi là khá phổ biến. Những ưu điểm nổi bật của DH GVĐ sẽ tạo điều kiện cho người học phát huy tính chủ động, sáng tạo, hình thành khả năng nêu và GVĐ của thực tiễn một cách linh hoạt góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học triết học ở các trường cao đẳng và đại học. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Hữu Vui (2005). *Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác – Lê nin ở Việt Nam – Những vấn đề chung*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Lê Văn Năm (2008). *Dạy học nêu vấn đề, lí thuyết và ứng dụng*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thị Huệ (2015). *Vận dụng phương pháp xử lí tình huống theo định hướng năng lực trong dạy học môn Giáo dục pháp luật cho sinh viên*. Tạp chí Giáo dục, số Đặc biệt tháng 4/2015.
- [4] Bộ GD-ĐT (2013). *Kĩ yếu hội thảo quốc gia về giáo dục đạo đức – công dân trong trường phổ thông ở Việt Nam hiện nay*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Phạm Thị Hải (2016). *Sử dụng phương pháp dạy học tình huống để nâng cao hiệu quả trong dạy học môn Giáo dục chính trị ở Trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh*. Tạp chí Giáo chức Việt Nam, số 110.

Một số yếu tố ảnh hưởng...

(Tiếp theo trang 238)

chế về thi và kiểm tra, đánh giá đối với SV. Với bộ môn *LLCT*, Tổ chuyên môn và các GV đều thực hiện nghiêm túc nội dung này, nội dung thi và kiểm tra luôn bám sát những nội dung và yêu cầu cơ bản của chương trình, quy chế đào tạo.

2.2.5. *Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy những năm qua đã được nhà trường quan tâm*, tuy nhiên, cũng chưa phải đã đáp ứng được yêu cầu chuyên môn đặt ra. Nhà trường cần trang bị thêm sách, báo, tạp chí Triết học và tài liệu tham khảo chuyên ngành phục vụ cho việc dạy và học các môn *LLCT*. □

Tài liệu tham khảo

- [1] *Ph. Ăngghen toàn tập* (tập 21) (2001). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] *V.I.Lênin toàn tập* (tập 45) (1978). NXB. Tiến bộ, Mátxcova.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2012). *Văn kiện Hội nghị Trung ương IV khóa XI*. NXB Chính trị hành chính.
- [4] Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2007). *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Khóa X*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Lê Trọng Ân (2009). *Đôi điều suy nghĩ về đối tượng, phạm vi và kết cấu của “Giáo trình Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*. Tạp chí Triết học, số 10/2009.
- [6] Trần Chí Mỹ (2010). *Một số vấn đề cần xem xét lại trong Giáo trình “Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*. Tạp chí Triết học, số 4/2010.
- [7] Trần Đăng Sinh (2008). *Dạy và học triết học Mác-Lênin ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa*. Tạp chí Triết học, số 2/2008.